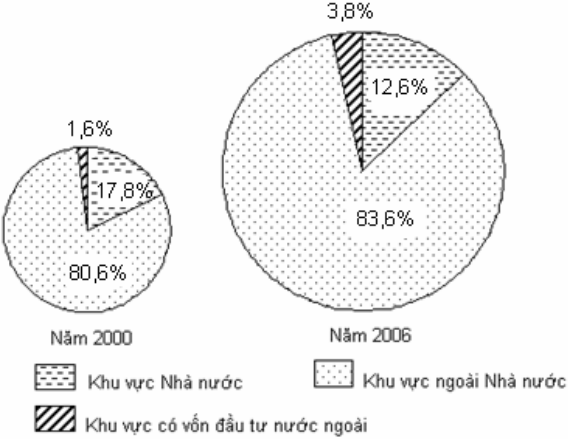


Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)			
I <i>(2,0 đ)</i>	1	Trình bày đặc điểm và ý nghĩa của giai đoạn Tiền Cambri trong lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam	1,00
		<i>a) Đặc điểm :</i>	
		- Là giai đoạn cổ nhất và kéo dài nhất trong lịch sử phát triển lãnh thổ Việt Nam (diễn ra trong khoảng 2 tỉ năm, kết thúc cách đây 542 triệu năm).	0,25
		- Chỉ diễn ra trong một phạm vi hẹp trên phần lãnh thổ nước ta hiện nay (chủ yếu tập trung ở khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn và Trung Trung Bộ).	0,25
	- Các điều kiện cổ địa lí còn rất sơ khai và đơn điệu (cùng với sự xuất hiện thạch quyển, lớp khí còn rất mỏng, thủy quyển mới hình thành và sự sống ra đời, nhưng còn sơ khai nguyên thủy).	0,25	
	<i>b) Ý nghĩa :</i> Đây là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ Việt Nam.	0,25	
2		Chứng minh rằng nguồn lao động của nước ta phân bố không đều giữa khu vực nông thôn với khu vực thành thị. Phân tích tác động tích cực của quá trình đô thị hoá ở nước ta tới sự phát triển kinh tế	1,00
		<i>a) Chứng minh rằng nguồn lao động của nước ta phân bố không đều giữa khu vực nông thôn với khu vực thành thị :</i> Lao động ở nông thôn nhiều hơn 3 lần so với lao động ở thành thị (trương ứng là 75% và 25% lao động của cả nước, năm 2005).	0,25
		<i>b) Phân tích tác động tích cực của đô thị hoá :</i>	
		- Tác động mạnh tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	0,25
- Ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của các vùng trong nước (khu vực đô thị đóng góp 70,4% GDP, 84% GDP công nghiệp - xây dựng, 87% GDP dịch vụ và 80% ngân sách cả nước, năm 2005).	0,25		
- Các thành phố, thị xã là thị trường tiêu thụ lớn ; lực lượng lao động đông và có trình độ, cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại, có sức hút đối với đầu tư trong và ngoài nước, tạo động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.	0,25		
II <i>(3,0 đ)</i>	1	Phân tích những thuận lợi đối với hoạt động đánh bắt thủy sản ở nước ta. Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản	1,50
		<i>a) Những thuận lợi đối với hoạt động đánh bắt thủy sản :</i>	
		- Vùng biển rộng, có nguồn lợi hải sản khá phong phú (tổng trữ lượng	0,25

	<p>3,9 - 4,0 triệu tấn, cho phép khai thác hàng năm khoảng 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, 1647 loài giáp xác, hơn 2500 loài nhuyễn thể, hơn 600 loài rong và nhiều đặc sản khác như hải sâm, bào ngư, sò, điệp,...).</p> <p>- Nhiều ngư trường, trong đó có 4 ngư trường trọng điểm : Cà Mau - Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan), Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu, Hải Phòng - Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ) và Hoàng Sa - Trường Sa.</p> <p>- Nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt hải sản ; các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn ; dịch vụ thủy sản và các cơ sở chế biến thủy sản được mở rộng.</p> <p>- Thị trường (trong nước, thế giới) ngày càng mở rộng ; sự đổi mới trong chính sách của Nhà nước đối với hoạt động đánh bắt,...</p> <p><i>b) Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản :</i></p> <p>- Hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và nhu cầu lớn trên thị trường (nhất là các thị trường Hoa Kỳ, EU,...).</p> <p>- Diện tích mặt nước còn nhiều, kĩ thuật nuôi trồng ngày càng hoàn thiện và các lí do khác (kinh nghiệm nuôi trồng, chính sách,...).</p>	0,25
	<p>- Nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt hải sản ; các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn ; dịch vụ thủy sản và các cơ sở chế biến thủy sản được mở rộng.</p> <p>- Thị trường (trong nước, thế giới) ngày càng mở rộng ; sự đổi mới trong chính sách của Nhà nước đối với hoạt động đánh bắt,...</p> <p><i>b) Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản :</i></p> <p>- Hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và nhu cầu lớn trên thị trường (nhất là các thị trường Hoa Kỳ, EU,...).</p> <p>- Diện tích mặt nước còn nhiều, kĩ thuật nuôi trồng ngày càng hoàn thiện và các lí do khác (kinh nghiệm nuôi trồng, chính sách,...).</p>	0,25
	<p>- Thị trường (trong nước, thế giới) ngày càng mở rộng ; sự đổi mới trong chính sách của Nhà nước đối với hoạt động đánh bắt,...</p> <p><i>b) Giải thích tại sao hoạt động nuôi trồng lại chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản :</i></p> <p>- Hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và nhu cầu lớn trên thị trường (nhất là các thị trường Hoa Kỳ, EU,...).</p> <p>- Diện tích mặt nước còn nhiều, kĩ thuật nuôi trồng ngày càng hoàn thiện và các lí do khác (kinh nghiệm nuôi trồng, chính sách,...).</p>	0,25
	<p>- Diện tích mặt nước còn nhiều, kĩ thuật nuôi trồng ngày càng hoàn thiện và các lí do khác (kinh nghiệm nuôi trồng, chính sách,...).</p>	0,25
	<p>2 Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm những tỉnh nào ? Hãy phân tích thế mạnh về tự nhiên và hiện trạng phát triển thủy điện của vùng này</p>	1,50
	<p><i>a) Các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ :</i> Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh.</p> <p style="text-align: center;"><i>(15 tỉnh ; 0,25 điểm / 5 tỉnh).</i></p> <p><i>b) Thế mạnh về tự nhiên để phát triển thủy điện :</i> các sông suối có trữ năng thủy điện lớn (hệ thống sông Hồng 11 triệu kW, chiếm hơn 1/3 trữ năng thủy điện của cả nước ; riêng sông Đà gần 6 triệu kW).</p> <p><i>c) Hiện trạng phát triển thủy điện :</i></p> <p>- Nhiều nhà máy thủy điện đã được xây dựng : Thác Bà trên sông Chảy (110 MW), Hoà Bình trên sông Đà (1920 MW), Tuyên Quang trên sông Gâm (342 MW) và hàng loạt nhà máy thủy điện nhỏ.</p> <p>- Đang xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La trên sông Đà (2400 MW).</p>	0,75
	<p><i>b) Thế mạnh về tự nhiên để phát triển thủy điện :</i> các sông suối có trữ năng thủy điện lớn (hệ thống sông Hồng 11 triệu kW, chiếm hơn 1/3 trữ năng thủy điện của cả nước ; riêng sông Đà gần 6 triệu kW).</p> <p><i>c) Hiện trạng phát triển thủy điện :</i></p> <p>- Nhiều nhà máy thủy điện đã được xây dựng : Thác Bà trên sông Chảy (110 MW), Hoà Bình trên sông Đà (1920 MW), Tuyên Quang trên sông Gâm (342 MW) và hàng loạt nhà máy thủy điện nhỏ.</p> <p>- Đang xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La trên sông Đà (2400 MW).</p>	0,25
	<p>- Đang xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La trên sông Đà (2400 MW).</p>	0,25
III (3,0 đ)	<p>1 Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện quy mô tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ tiêu dùng và cơ cấu của nó phân theo thành phần kinh tế năm 2000 và năm 2006</p>	2,00
	<p><i>a) Xử lí số liệu :</i></p> <p>- Tính bán kính đường tròn (r) :</p> $r_{2000} = 1,0 \text{ đơn vị bán kính ; } r_{2006} = \sqrt{\frac{596207}{220411}} = 1,6 \text{ đơn vị bán kính}$	0,25

	<p>- Tính cơ cấu : CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ, DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA (%)</p> <table border="1" data-bbox="354 271 1356 448"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Tổng số</th> <th>Kinh tế Nhà nước</th> <th>Kinh tế ngoài Nhà nước</th> <th>Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2000</td> <td>100,0</td> <td>17,8</td> <td>80,6</td> <td>1,6</td> </tr> <tr> <td>2006</td> <td>100,0</td> <td>12,6</td> <td>83,6</td> <td>3,8</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Tổng số	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2000	100,0	17,8	80,6	1,6	2006	100,0	12,6	83,6	3,8	0,25
Năm	Tổng số	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài													
2000	100,0	17,8	80,6	1,6													
2006	100,0	12,6	83,6	3,8													
	<p>b) Vẽ biểu đồ :</p>  <p>Biểu đồ quy mô tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ tiêu dùng và cơ cấu của nó phân theo thành phần kinh tế năm 2000 và năm 2006</p>	1,50															
2	<p>Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ</p> <p>a) <i>Về quy mô :</i> tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2006 gấp hơn 2,7 lần năm 2000.</p> <p>b) <i>Về cơ cấu :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng của khu vực ngoài Nhà nước luôn lớn nhất. - Tỷ trọng của khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng (tương ứng trong giai đoạn nói trên là 3,0% và 2,2%). - Tỷ trọng của khu vực kinh tế Nhà nước giảm (5,2%). 	1,00															
II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)																	
IV.a (2,0 đ)	<p>Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)</p> <p>1 Tại sao vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong số các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi (bản lề giữa Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long...). - Có nguồn tài nguyên đa dạng, nổi bật nhất là dầu khí ở thềm lục địa. - Dân cư đông (15,2 triệu người năm 2006), nguồn lao động dồi dào, có chất lượng. - Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt và đồng bộ. - Tập trung tiềm lực và có trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước. - Các nguyên nhân khác (thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, sự năng động trong cơ chế thị trường,...). 																

	2	Định hướng phát triển của vùng	0,50
		- Phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, công nghiệp trọng điểm, công nghệ cao ; hình thành các khu công nghiệp tập trung.	0,25
		- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ (thương mại, ngân hàng, du lịch,...).	0,25
IV.b (2,0 đ)	Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)		
	1	Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất ở nước ta hiện nay ?	1,50
		- Diện tích trồng lúa chiếm trên 50% diện tích trồng lúa cả nước.	0,25
		- Đất đai màu mỡ, nhất là dải đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu.	0,25
		- Khí hậu có tính chất cận xích đạo ; mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.	0,25
		- Nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm trồng lúa, năng động.	0,25
		- Bước đầu đã xây dựng được cơ sở vật chất - kĩ thuật (hệ thống thủy lợi, cơ sở tạo giống, dịch vụ bảo vệ thực vật, công nghiệp xay xát,...).	0,25
		- Các nguyên nhân khác (chính sách khuyến nông, nhu cầu về gạo ở trong nước và xuất khẩu,...).	0,25
	2	Định hướng phát triển sản xuất lương thực của vùng	0,50
		- Tập trung thâm canh, tăng vụ kết hợp với khai hoang, chuyển dịch cơ cấu cây trồng.	0,25
		- Đẩy mạnh công nghiệp chế biến, công nghệ sau thu hoạch,...	0,25
ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II + III + IV.a (hoặc IV.b) = 10,00 điểm			